

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 4 -2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Luyến;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 1 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn V, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm 1993;

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp An T, thị trấn A, huyện An P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 01 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Dương Văn V trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông Dương Văn V và bà Dương Thị L có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm và tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện vào năm 2011, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương (bên đàn gái) và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Lúc đầu hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2019, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L tự ý bỏ đi, Ông V nhiều lần đến thăm nom và rước về nhưng bà L không đồng ý, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Ông V yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị L.

Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung;

Dương Anh T, sinh ngày 21/12/2012; đang sống với bà L;

Dương Hạo T, sinh ngày 08/9/2014; hiện nay đang sống với Ông V.

Khi ly hôn, Ông V yêu cầu nuôi dưỡng cháu Hạo T, giao cháu Anh T cho bà L nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Dương Thị L:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc Ông V yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa:

Ông Dương Văn V trình bày: Giữ nguyên quan điểm nêu trên, không có yêu cầu khác.

Bà Dương Thị L vắng mặt và có đơn xin vắng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Ông Dương Văn V yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị L, yêu cầu về nuôi con ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do bà L đăng ký thường trú tại ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Dương Thị L có đơn xin vắng mặt phiên tòa sơ thẩm vì không có điều kiện đến Tòa án, đây là yêu cầu chính đáng của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Ông Dương Văn V và bà Dương Thị L có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm và tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện vào năm 2011, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/2012 ngày 03/7/2012, Vì vậy, quan hệ giữa Ông Dương Văn V và bà Dương Thị L được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bà L tự ý bỏ đi, Ông V nhiều lần đến thăm nom và rước về nhưng bà L không đồng ý, vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Ông V yêu cầu ly hôn với bà Dương Thị L, bà L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của Ông V. Hội đồng xét xử

xét thấy, bài L không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với Ông V, bởi lẽ các đương sự ly thân đã lâu (khoảng 03 năm) và từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, có tổ chức các phiên hòa giải nhưng bài L không tham gia, chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân giữa Ông V và bài L đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Dương Văn V với bà Dương Thị L theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Có hai người con chung;

Dương Anh T, sinh ngày 21/12/2012 (nữ); đang sống với bài L;

Dương Hạo T, sinh ngày 08/9/2014 (nam); hiện nay đang sống với Ông V.

Khi ly hôn, Ông V yêu cầu nuôi dưỡng Hạo T, giao Anh T cho bài L nuôi dưỡng, bài L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu này của Ông V. Qua làm việc thì cháu Anh T có nguyện vọng sống với mẹ (đơn yêu cầu đề ngày 20/3/2022), cháu Hạo T yêu cầu sống với cha (đơn yêu cầu đề ngày 25/01/2022). Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của Ông V là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, thời gian Ông V và bài L ly thân thì các cháu có cuộc sống ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên tiếp tục giao cháu Anh T cho bài L nuôi dưỡng, giao cháu Hạo T cho Ông V nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch Ông Dương Văn V phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ông V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho Ông Dương Văn V ly hôn với bà Dương Thị L.

Về nuôi con: Có hai người con chung;

- Dương Anh T, sinh ngày 21/12/2012 (nữ); đang sống với bài L;

- Dương Hạo T, sinh ngày 08/9/2014 (nam); đang sống với Ông V.

Khi ly hôn, giao cháu Dương Anh T cho bà Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương Hạo T cho Ông Dương Văn V trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Ông Dương Văn V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, Ông V được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015396 ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền